

Một số đề xuất về chính sách tài chính nhằm tạo động lực cho đổi mới mô hình tăng trưởng ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030

PHẠM THỊ MINH HOA*

Hành trình Việt Nam trở thành một nền kinh tế có thu nhập cao chỉ mới bắt đầu. Những thành tựu gần 35 năm đổi mới không đảm bảo cho sự thành công trong tương lai, buộc Việt Nam phải điều chỉnh, thay đổi mô hình tăng trưởng (MHTT). Đổi mới MHTT gắn với cơ cấu lại nền kinh tế là một quá trình phức tạp, phạm vi rộng, đòi hỏi chi phí thực hiện lớn. Đây cũng là hai nội dung có mối quan hệ đan xen, phụ thuộc lẫn nhau và chịu sự chi phối của nhiều chính sách khác nhau, trong đó không thể thiếu vai trò của chính sách tài chính. Bài viết này tập trung phân tích sự cần thiết để thay đổi MHTT của Việt Nam giai đoạn 2021-2030, cũng như các chính sách tài chính nhằm thúc đẩy đổi mới MHTT ở giai đoạn này.

SỰ CẦN THIẾT PHẢI THAY ĐỔI MHTT

Việc điều chỉnh và thay đổi MHTT là rất cấp thiết nếu Việt Nam mong muốn trở thành nước có thu nhập trung bình cao một cách thành công vào năm 2030 và là nước có thu nhập cao vào năm 2045. Ở trong nước, Việt Nam đang phải đối mặt với những trở lực mang tính cấu trúc ngày càng gia tăng, bao gồm: dân số già hóa nhanh, tác động của tích lũy nhân tố giảm, cũng như chi phí môi trường ngày càng lớn trong quá trình phát triển. Trong quá trình hội nhập với thế giới, Việt Nam sẽ phải lựa chọn hướng đi trong một bối cảnh đang thay đổi, những chuyển đổi về mô hình thương mại và đầu tư toàn cầu sẽ ít thuận lợi hơn cho sự tăng trưởng dựa vào xuất khẩu. Đặc biệt, cuộc Cách mạng Công nghiệp (CMCN) 4.0 vừa là cơ hội đang được định hình, vừa tạo ra những rủi ro mới, buộc Việt Nam phải điều chỉnh, thay đổi MHTT.

Trong giai đoạn tới MHTT mới của Việt Nam cần tập trung vào chất lượng tăng trưởng tiến tới chấm dứt theo đuổi MHTT theo chiều rộng. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam những năm gần

đây giảm dần phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu thô và mở rộng tín dụng. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện rõ nét thể hiện qua tốc độ tăng năng suất lao động (NSLĐ). Đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp tăng từ 33,6% bình quân giai đoạn 2011-2015 lên khoảng 43,5% trong giai đoạn 2016-2020. Giai đoạn 2021-2030 là giai đoạn cực kỳ quan trọng, có tính quyết định đến việc Việt Nam có thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình hay không. Trong giai đoạn này, Việt Nam đặt mục tiêu trở thành nước thu nhập trung bình cao (4.859 USD/người/năm) vào năm 2030 và trở thành nước thu nhập cao (12.642 USD/người/năm) vào năm 2045 (World Bank, 2019).

Để đổi mới MHTT, cần nhìn nhận một cách khách quan về MHTT đã có trên các phương diện: (1) Phát hiện những khuyết tật của mô hình cũ để có giải pháp loại bỏ; (2) Phát triển những thế mạnh, những ưu việt của mô hình đã có để hoàn thiện nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của mô hình mới.

Việc phát triển này gắn với yêu cầu đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của tiến trình tái cấu trúc nền kinh tế để hình thành MHTT mới. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các nước, như: Nhật Bản, Hàn Quốc đều có chiến lược tăng trưởng có trọng tâm. Nhà nước đứng trước những lựa chọn về xác định động lực cho tăng trưởng kinh tế (dựa vào xuất khẩu hay tiêu dùng trong nước; phát triển nông nghiệp, công nghiệp lắp ráp hay dịch vụ, du lịch...). Việc xác định này cần được xem xét trên 2 cơ sở: (i) Đặc thù quốc gia (trình độ phát triển kinh

* Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

BẢNG: TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN VÀ CƠ CẤU VỐN ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI THỰC HIỆN CÁC NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020 (THEO GIÁ HIỆN HÀNH)

Đơn vị tính: %

	Tổng số	Chia ra:		
		Khu vực nhà nước	Khu vực ngoài nhà nước	Khu vực FDI
<i>Tốc độ phát triển</i>				
Năm 2016	108,9	107,3	109,5	110,4
Năm 2017	112,3	106,9	117,1	112,8
Năm 2018	111,2	103,8	118,5	109,8
Năm 2019	110,3	102,9	117,3	107,9
Năm 2020	105,7	114,5	103,1	98,7
<i>Cơ cấu</i>				
Năm 2016	100,0	37,5	38,9	23,6
Năm 2017	100,0	35,7	40,6	23,7
Năm 2018	100,0	33,3	43,3	23,4
Năm 2019	100,0	31,1	46,0	22,9
Năm 2020	100,0	33,7	44,9	21,4

tế - xã hội, năng lực cạnh tranh...); (ii) Đặc điểm, xu thế quốc tế (phân chia lao động quốc tế và khu vực, xu thế phát triển...).

VAI TRÒ CỦA CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI ĐỔI MỚI MHTT

Chính sách tài chính có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia và doanh nghiệp, là động lực cho sự tiến bộ kinh tế và sức cạnh tranh của tất cả các nước. Đổi mới MHTT kinh tế không chỉ dừng lại ở việc xác định đâu là động lực tăng trưởng, mà còn phải định hình nên những định hướng chính sách chủ yếu nhằm phát triển tối ưu các động lực tăng trưởng này, tận dụng tối đa những lợi thế, cơ hội của giai đoạn đó.

Đối với mọi nền kinh tế, chính sách tài chính có vai trò quan trọng và vị trí đặc biệt trong thực hiện các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội. Tại Việt Nam, kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách tài chính luôn được chú trọng. Các chủ trương, định hướng đề ra trong nhiều chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn của đất nước đều rất coi trọng vai trò của tài chính trong huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực trong xã hội, chuyển tải các nguồn lực tài chính quốc gia phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có mục tiêu, định hướng về cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới MHTT.

Tuy nhiên, chính sách tài chính vẫn chưa phát huy được hiệu quả trong việc hình thành các cơ chế tạo động lực để thúc đẩy quá trình đổi mới kinh tế, cơ cấu lại ngành, lĩnh vực theo định hướng ưu tiên. Vẫn còn tình trạng các chính sách ưu đãi tài chính bị dàn trải, gây lãng phí nguồn lực, không phát huy được hiệu quả như kỳ vọng. Việt Nam cần đẩy mạnh việc hoàn thiện khuôn khổ thể chế về tài chính; kiên định với các mục

tiêu đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh, an toàn nền tài chính công, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho quá trình đổi mới tăng trưởng.

CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH TẠO ĐỘNG LỰC CHO CHUYỂN ĐỔI MHTT TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2020

Những kết quả đạt được

Trong những năm qua, đầu tư của khu vực nhà nước đã được điều chỉnh theo hướng giảm tỷ trọng trong tổng đầu tư toàn xã hội, phù hợp với các định hướng về tái cơ cấu đầu tư. Cơ cấu vốn đầu tư trong tổng đầu tư toàn xã hội dịch chuyển tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư từ khu vực nhà nước từ mức trung bình 39,04% giai đoạn 2011-2015 xuống còn 34,34% giai đoạn 2016-2020, tăng tỷ trọng vốn đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước từ mức 38,26% giai đoạn 2011-2015 lên 42,7% giai đoạn 2016-2020. Riêng năm 2020, do ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19, vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành ước tính đạt 2.164,5 nghìn tỷ đồng, chỉ tăng tăng 5,7% so với năm 2019, mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020 và bằng 34,4% GDP (Bảng).

Sự thay đổi trong cơ cấu nguồn vốn cho thấy, MHTT của Việt Nam đã dịch chuyển với sự gia tăng vai trò của các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) trong đầu tư, qua đó làm giảm áp lực đối với

đầu tư trực tiếp từ ngân sách nhà nước (NSNN). Cùng với quá trình tái cơ cấu đầu tư công, tiến trình cổ phần hóa DNNN cũng được đẩy mạnh, trong đó cơ chế quản lý tài chính và sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp từng bước được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu thực tiễn kinh tế thị trường. Ngoài ra, các yêu cầu gắn cổ phần hóa với niêm yết trên thị trường chứng khoán, giúp minh bạch, chống thất thoát, tham nhũng trong quá trình cổ phần hóa DNNN cũng đã được chú trọng hơn. Có thể nói, việc đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu đầu tư công, cổ phần hóa DNNN đã tạo thêm dư địa cho kinh tế tư nhân phát triển mạnh hơn, qua đó góp phần cải thiện dần hiệu quả đầu tư của nền kinh tế.

Cơ cấu thu NSNN tiếp tục có những chuyển biến tích cực theo hướng bền vững, lành mạnh hơn. Thu nội địa chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng thu NSNN, bình quân giai đoạn 2016-2019 khoảng 81,6%. Bộ Tài chính ước thu ngân sách cả năm 2020 đạt 1.472 nghìn tỷ đồng, đạt 98,3% dự toán. Trong đó, thu nội địa đạt trên 98% dự toán, thu đầu thô đạt trên 97,7% dự toán và thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 85,6% dự toán.

Cơ cấu thu NSNN trong tổng thu nội địa (không kể thu từ dầu thô) cũng có chuyển biến tích cực và phù hợp với mục tiêu định hướng sắp xếp, cổ phần hóa DNNN, tăng cường thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển. Chi NSNN đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, cơ cấu lại chi NSNN theo hướng tăng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên.

Bộ chi ngân sách từng bước được kiểm chế, cơ cấu lại theo hướng bền vững, tỷ lệ nợ công giảm mạnh từ mức 63,7% GDP cuối năm 2016 xuống khoảng 55% GDP cuối năm 2019. Năm 2020, nhờ thu ngân sách cao hơn và triệt để tiết kiệm các khoản chi, nên bộ chi ngân sách năm nay ước bằng 4,1%-4,2% GDP. Tỷ lệ nợ công đến hết năm 2020 ước bằng 55%-56% GDP.

Như vậy, Việt Nam đã cơ bản hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Kế hoạch tài chính 5 năm 2016-2020 cả về tỷ lệ huy động vào NSNN, tỷ trọng chi đầu tư phát triển, tỷ lệ bộ chi NSNN và tỷ lệ nợ công, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn tài chính, ổn định vĩ mô, nâng cao hệ số tín nhiệm của Việt Nam.

Trước tác động của đại dịch Covid-19, Bộ Tài chính đã triển khai nhiều giải pháp ổn định và phát triển thị trường chứng khoán, như: cắt giảm các khoản phí cho các nhà đầu tư chứng khoán, tạo thêm sức hút tham gia vào thị trường, nhờ đó duy trì và phát triển quy mô thị trường. Đến ngày 25/12/2020, chỉ số chứng khoán VN-Index đạt 1.084 điểm, tăng hơn 264 điểm (32,2%) so với thời điểm đầu năm (820 điểm); quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 85% GDP, quy mô dư nợ thị trường trái phiếu đạt 45% GDP (mục tiêu đề ra tương ứng là 70% GDP và 30% GDP), dần trở thành kênh huy động và phân bổ vốn trung và dài hạn hiệu quả cho các doanh nghiệp và nền kinh tế.

Có thể nói, nhờ chính sách tài chính được điều hành linh hoạt ổn định, thanh khoản và an toàn hệ thống được đảm bảo, các nền tảng về kinh tế vĩ mô dần được củng cố, tạo nền tảng quan trọng để thực hiện đổi mới MHTT và cơ cấu lại nền kinh tế. Trong 10 năm (2011-2020), mặc dù nền kinh tế trong nước liên tục đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, song tăng trưởng GDP vẫn được duy trì ở mức khá. Bình quân 4 năm 2016-2019 đạt mức 6,8% (cao hơn tốc độ tăng bình quân 5,91%/năm của giai đoạn 2011-2015), đạt mục tiêu tăng trưởng bình quân 6,5%-7% của Kế hoạch 5 năm 2016-2020). Riêng năm 2020, do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, tốc độ tăng trưởng giảm nhiều so với năm 2019, đạt 2,91%, nhưng Việt Nam vẫn là một trong số rất ít quốc gia duy trì mức tăng trưởng dương và thuộc nhóm nước tăng trưởng cao nhất thế giới. Cơ cấu kinh tế của Việt Nam tiếp tục chuyển dịch tích cực, trong đó ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn, đóng góp chủ yếu cho mức tăng trưởng chung của nền kinh tế.

Điều đáng mừng là tăng trưởng kinh tế dựa nhiều hơn vào gia tăng năng suất. Đây là điểm nổi bật nhất trong thay đổi cách thức tăng trưởng trong giai đoạn 2016-2020. NSLĐ giai đoạn 2011-2015 tăng 19,6%; trong đó NSLĐ nội ngành tăng 14%, năng suất do chuyển dịch cơ cấu tính tăng 5% và do chuyển dịch cơ cấu động là 0,6%. NSLĐ giai đoạn 2016-2020 ước tính tăng 26,2%; trong đó, NSLĐ nội ngành tăng 16,6%; năng suất do chuyển dịch cơ cấu tính là 9,4%; và do chuyển dịch cơ cấu động là 0,2%.

Những hạn chế của chính sách tài chính

Bên cạnh những kết quả đạt được, chính sách tài chính trong giai đoạn 2010-2019 cũng có những vấn đề còn tồn tại, đó là:

Thứ nhất, khả năng thúc đẩy, mở đường của tài chính nhằm thực hiện phát triển nhanh, bền vững gắn với đổi mới MHTT và cơ cấu lại nền kinh tế còn hạn chế, cụ thể như: đầu tư công dàn trải, việc lựa chọn, xác định các ngành nghề lĩnh vực, khu vực, địa bàn ưu tiên phát triển còn dàn trải, phạm vi rộng đã ảnh hưởng đến hiệu quả phân bổ nguồn lực nhà nước; hiệu quả các chính sách ưu đãi về tài chính cũng như chưa phát huy được tính khơi thông, mở đường của tài chính trong đổi mới MHTT và cơ cấu lại nền kinh tế. Nhiều lĩnh vực có khả năng xã hội hóa cao, có thể thu hút vốn

đầu tư từ khu vực tư nhân, nhưng vốn đầu tư công vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng vốn đầu tư. Đầu tư công còn chưa gắn chặt chẽ với định hướng cơ cấu lại các ngành kinh tế và cơ cấu lại NSNN. Không chỉ đầu tư dàn trải, vấn đề cải thiện hiệu quả đầu tư của đầu tư công cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục phải giải quyết trong giai đoạn tới.

Thứ hai, thể chế tài chính và bộ máy quản lý tài chính còn chưa theo kịp với sự phát triển của nền kinh tế. Việc ban hành và tổ chức thực hiện một số cơ chế, chính sách tài chính còn chưa thực sự đồng bộ, chưa bắt kịp đòi hỏi của thực tiễn. Công tác nội luật hóa, thể chế hóa các cam kết quốc tế vào văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài chính còn chậm, chưa tạo được sự đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực tài chính công cho phát triển kinh tế đất nước.

Thứ ba, mức độ lành mạnh và khả năng chống chịu của nền tài chính quốc gia còn thấp, dư địa cho chính sách tài khóa, tiền tệ ngày càng trở nên thu hẹp. Trên thị trường tài chính vẫn còn mất cân đối giữa kênh cung ứng vốn ngân hàng và thị trường vốn. Hiện nay, quy mô thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn nhỏ so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp chưa thực sự phát triển mạnh mẽ, các định chế quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ đầu tư chứng khoán mặc dù cơ chế chính sách đã có, nhưng triển khai hoạt động vẫn còn khó khăn.

Thứ tư, về cân đối NSNN, áp lực tăng chi ngân sách vẫn có xu hướng tăng, nhất là đối với yêu cầu chi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, chi cho đảm bảo an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo. Trong khi đó, tình trạng thất thu khu vực ngoài quốc doanh, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nợ đọng thuế còn cao. Công tác quản lý thu NSNN từ tiền sử dụng đất, tài sản công còn bất cập; nguồn thu từ DNNN suy giảm. Ngoài ra, công tác quản lý thu NSNN từ tiền sử dụng đất, tài sản công còn bất cập, nguồn thu từ NSNN chưa bền vững, còn dựa nhiều vào các khoản thu có tính chất một lần; chưa phát huy được vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương. Trong cơ cấu chi, chi thường xuyên vẫn chiếm tỷ trọng lớn và có tốc độ tăng nhanh hơn tốc độ tăng chi cho đầu tư phát triển, điều này tiếp tục gia tăng áp lực lên cân đối NSNN.

Thứ năm, các chỉ tiêu quy mô nợ công so với GDP đã có nhiều chuyển biến tích cực; tốc độ gia tăng nợ công đã được kiểm chế, nhưng danh mục nợ Chính phủ vẫn tiềm ẩn rủi ro. Nghĩa vụ trả nợ so với thu NSNN có xu hướng gia tăng, trong khi đó, một lượng trái phiếu chính phủ đến hạn thanh toán gốc trong giai đoạn 2020-2021 có thể vượt quá khả năng hấp thụ của thị trường, khi quy mô thị trường trái phiếu còn mỏng và phụ thuộc vào khả năng nắm giữ trái phiếu chính phủ của Quỹ Bảo hiểm xã hội. Việc huy động, phân bổ, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài còn có những hạn chế, bất cập, giải ngân vốn còn chậm...

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Giai đoạn 2021-2030, cục diện chính trị xã hội được dự báo sẽ bước vào giai đoạn phát triển mới với những điều chỉnh căn bản, tương quan sức mạnh giữa các quốc gia, nhất là các nước lớn đang có sự dịch chuyển mạnh mẽ theo xu thế đa cực, đa trung tâm. Khoa học - công nghệ sẽ tiếp tục phát triển nhanh, vượt bậc trong một số lĩnh vực, điển hình là công nghệ thông tin; công nghệ chế tạo và tự động hóa, tái định hình nền kinh tế toàn cầu. Nhiều hình thái kinh tế mới đang được định hình, như: kinh tế mạng, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn. Nền kinh tế thế giới cũng vẫn bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19.

Ở trong nước, dù vẫn bị tác động do diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, nhưng kinh tế vĩ mô vẫn được dự báo tiếp tục ổn định, đặc biệt là các cân đối lớn của nền kinh tế; an ninh tài chính được đảm bảo. MHTT được chuyển đổi theo hướng phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu; nền kinh tế tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế các-bon thấp. Môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế được cải thiện, niềm tin tiêu dùng và đầu tư được nâng cao. Kinh tế Việt Nam dự báo sẽ tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng khá trong giai đoạn tới. Do đó, cần có các giải pháp và điều chỉnh chính sách tài chính phù hợp cho tăng trưởng giai đoạn 2021-2030, cụ thể như sau:

Một là, Nhà nước cần chủ động điều chỉnh thể chế về tài chính để thích ứng với cuộc CMCN 4.0 trên cơ sở gắn với các trụ cột chính, đó là: Áp dụng hiệu quả, chủ động các thành quả của CMCN 4.0; Khai thác, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính để thúc đẩy sự phát triển các yếu tố của CMCN 4.0, hỗ trợ hiệu quả cho quá trình tái cơ cấu nền kinh tế. Bên cạnh đó, cần tăng cường hiệu quả huy động, phát triển các nguồn lực để đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng. Trong đó, tập trung tiếp tục thực hiện tổng thể việc cải cách hệ thống thuế, xây dựng một hệ thống thuế thân thiện với tăng trưởng. Thực hiện các giải pháp nhằm mở rộng cơ sở thuế, chống xói mòn nguồn thu... Tiếp tục rà soát các chính sách ưu đãi về thuế đảm bảo việc thực hiện có chọn lọc, gắn với định hướng phát triển ngành, lĩnh vực... Tiếp tục củng cố

và tái cấu trúc hệ thống tài chính, đảm bảo sự phát triển hài hòa. Tập trung phát triển thị trường chứng khoán lành mạnh, đẩy mạnh việc hoàn thiện khung pháp lý, đưa thị trường chứng khoán thực sự trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế, đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa thị trường vốn và thị trường tiền tệ, tín dụng.

Hai là, nghiên cứu đổi mới cơ chế phân cấp và mối quan hệ tài khóa giữa các cấp ngân sách, chủ động có giải pháp để đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương theo quy định của Hiến pháp năm 2013 trên giác độ thu và chi NSNN, đảm bảo ngân sách trung ương tiếp cận đầy đủ nguồn lực cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ chi NSNN theo phân định. Cần đảm bảo sự an toàn, ổn định của hệ thống tài chính để hỗ trợ hiệu quả quá trình đổi mới MHTT.

Theo đó, cần đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tài chính, ngân hàng thống nhất, tin cậy, minh bạch và phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, tạo thuận lợi cho công tác quản lý và phân tích dự báo. Thực hiện hiệu quả các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn tài chính quốc gia, từng bước tạo “không gian tài khóa” đủ rộng để có thể đối phó với các biến động bất lợi trong và ngoài nước. Quản lý chặt chẽ sự gia tăng của nợ công, đảm bảo việc vay nợ cần phải đặt trong mối tương quan chung với kế hoạch và khả năng trả nợ, với chi phí vay nợ và mức độ rủi ro hợp lý. Quản lý hiệu quả các nguồn gốc gây ra rủi ro tài khóa,

đảm bảo các khoản nợ dự phòng, kể cả các khoản nợ dự phòng theo cam kết...

Ba là, tăng cường kỷ luật tài chính - NSNN: đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; đảm bảo công khai, minh bạch. Kiểm soát chặt chẽ bội chi NSNN; quản lý, sử dụng hiệu quả nợ công, tài sản công; thúc đẩy phát triển thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm. Đồng thời, thực hiện tốt các chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, cơ cấu lại nợ công theo hướng bền vững. Cơ cấu lại các khoản thu, mở rộng cơ sở thuế; chống thất thu, chuyển giá, trốn lậu thuế. Tiết kiệm chi thường xuyên, không bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền; tiết kiệm tối đa chi phí tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, công tác nước ngoài...

Bốn là, tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý thị trường tài chính theo hướng phù hợp với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Thực hiện các giải pháp phát triển thị trường vốn, trong đó tập trung đa dạng hóa sản phẩm trên thị trường sơ cấp; khuyến khích sự tham gia thị trường của các nhà đầu tư nước ngoài, quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ hưu trí tự nguyện... Tiếp tục đẩy mạnh việc tái cơ cấu thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm nhằm huy động và phân bổ, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững. Tiếp tục tham gia đàm phán các hiệp định thương mại tự do, thực hiện lộ trình cắt giảm thuế trong khuôn khổ các hiệp định thương mại tự do đã ký kết, chủ động đánh giá tác động của việc cắt giảm thuế, tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến lĩnh vực tài chính để xây dựng các kịch bản điều hành NSNN phù hợp. Đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập; Đẩy mạnh đầu tư cho ứng dụng khoa học, công nghệ để tạo nền tảng phát triển tri thức, phát triển kinh tế số... □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2016). *Nghị quyết số 24/2016/QH14, ngày 08/11/2016 về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020*
2. Quốc hội (2016). *Nghị quyết số 25/2016/QH14, ngày 09/11/2016 về Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020*
3. Chính phủ (2020). *Nghị quyết số 141/NQ-CP, ngày 03/10/2020 về báo cáo của Chính phủ về kết quả thực hiện Nghị quyết số 24/2016/QH14 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020*
4. Bộ Tài chính (2020). *Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách nhà nước năm 2020*
5. Tổng cục Thống kê (2020). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2020*
6. Nguyễn Viết Lợi (2019). *Tài chính Việt Nam 2018: Dịch chuyển bao trùm, phát triển bền vững*, Nxb Tài chính
7. Tổng cục Thống kê (2011-2020). *Niên giám Thống kê các năm, từ 2010 đến 2019*, Nxb Thống kê
8. World Bank (2019). *Báo cáo Mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045*
9. Viện Chiến lược và Chính sách tài chính, Bộ Tài chính (2019). *Tài liệu Diễn đàn Tài chính Việt Nam 2019: Cải cách chính sách tài chính nhằm tạo động lực đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế ở Việt Nam*, Quảng Ninh, ngày 19/9/2019